

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIM THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 438/QĐ-UBND

Kim Thành, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành 2 (Giai đoạn 1) tại xã Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ- TTg ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Kim Thành 2 (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kim Thành (cũ); Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kim Thành (cũ);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 07/TTr-PKT ngày 25 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 1.020,0m² (Đất chuyên trồng lúa- LUC) của hộ gia đình bà Bùi Thị Gót thuộc các thửa đất số 570, 1386, 1263 tờ bản đồ số 7, 8 tỷ lệ 1/2000 của xã Đại Đức (cũ) nay là xã Kim Thành.

(Theo mảnh đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính hệ tọa độ VN-2000, khu vực xã Đại Đức, tờ số 7(310603-3); tờ số 8(310606-1); tờ số 9(310606-2), tờ số 13(310603-6) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương (nay là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng) lập và xác nhận ngày 25/3/2025.

Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành 2 (giai đoạn 1) tại xã Kim Thành.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm giao Quyết định này cho hộ gia đình bà Bùi Thị Gót, trường hợp hộ gia đình bà Bùi Thị Gót không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã Kim Thành và Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND xã.

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp Phòng Kinh tế xã thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, PKT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIM THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 439/QĐ-UBND

Kim Thành, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành 2 (Giai đoạn 1) tại xã Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ- TTg ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Kim Thành 2 (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kim Thành (cũ); Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kim Thành (cũ);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 07/TTr-PKT ngày 25 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 642,0m² (Đất chuyên trồng lúa- LUC) của hộ gia đình bà Bùi Thị Xuyến thuộc các thửa đất số 512, 1389 tờ bản đồ số 7, 8 tỷ lệ 1/2000 của xã Đại Đức (cũ) nay là xã Kim Thành.

(Theo mảnh đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính hệ tọa độ VN-2000, khu vực xã Đại Đức, tờ số 7(310603-3); tờ số 8(310606-1); tờ số 9(310606-2), tờ số 13 (310603-6) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương (nay là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng) lập và xác nhận ngày 25/3/2025.

Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành 2 (giai đoạn 1) tại xã Kim Thành.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm giao Quyết định này cho hộ gia đình bà Bùi Thị Xuyên, trường hợp hộ gia đình bà Bùi Thị Xuyên không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã Kim Thành và Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND xã.

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp Phòng Kinh tế xã thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, PKT.



Nguyễn Văn Nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIM THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 440/QĐ-UBND

Kim Thành, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành 2 (Giai đoạn 1) tại xã Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ- TTg ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Kim Thành 2 (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kim Thành (cũ); Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kim Thành (cũ);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 07/TTr-PKT ngày 25 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 1.020,0m² (Đất chuyên trồng lúa- LUC) của hộ gia đình ông Bùi Văn Sang (Vợ là bà Lê Thị Nga) thuộc các thửa đất số 663, 1386, 1422, 1263 tờ bản đồ số 7, 8 tỷ lệ 1/2000 của xã Đại Đức (cũ) nay là xã Kim Thành.

(Theo mảnh đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính hệ tọa độ VN-2000, khu vực xã Đại Đức, tờ số 7(310603-3); tờ số 8(310606-1); tờ số 9(310606-2), tờ số 13(310603-6) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương (nay là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng) lập và xác nhận ngày 25/3/2025.

Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành 2 (giai đoạn 1) tại xã Kim Thành.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm giao Quyết định này cho hộ gia đình ông Bùi Văn Sang (Vợ là bà Lê Thị Nga), trường hợp hộ gia đình ông Bùi Văn Sang (Vợ là bà Lê Thị Nga) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã Kim Thành và Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND xã.

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp Phòng Kinh tế xã thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nghiệp

Kim Thành, ngày 25 tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

**Đề GPMB thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Kim Thành 2
(Giai đoạn 1, Đợt 1)**

Địa điểm: Thôn Kim Định, Xã Kim Thành, Thành phố Hải Phòng

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí
1	438	Bùi Thị Gót	7, 8	570, 1386, 1263	1,020.0	LUC	Trong đê
2	439	Bùi Thị Xuyên	7, 8	512, 1389	642.0	LUC	Trong đê
3	440	Bùi Văn Sang (Vợ Lê Thị Nga)	7, 8	663, 1386, 1422, 1263	1,020.0	LUC	Trong đê
4	441	Bùi Văn Sang - vợ Lê Thị Nga (Đại diện hàng thừa kế cho ông Bùi Văn Xuân)	7, 8	663, 1386, 1434, 1389	1,275.0	LUC	Trong đê
5	442	Bùi Văn Vang (Vợ Phạm Thị Đông)	8	1358, 1454, 1389	601.0	LUC	Trong đê
6	443	Đào Thị Sinh	7	512	688.0	LUC	Trong đê
7	444	Đào Thị Sinh (Đại diện hàng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Chao)	8	1336	450.0	LUC	Trong đê
8	445	Đinh Tiên Hồng (vợ Quán Thị Mây)	8	1338, 1473, 1305	1,119.0	LUC	Trong đê
9	446	Đinh Văn Điệp (Vợ Hoàng Thị Hoa)	7, 8	662, 1385, 1386, 1305	1,020.0	LUC	Trong đê
10	447	Đinh Văn Mạo	8	1295, 1389	654.0	LUC	Trong đê
11	448	Đinh Văn Sáu (Vợ Lưu Thị Tám)	7, 8	661, 1386, 1422, 1305	765.0	LUC	Trong đê
12	449	Đinh Công Tráng (Vợ Nguyễn Thị Xáy)	7	544, 1305	642.0	LUC	Trong đê
13	450	Đinh Văn Chăng (Vợ Nguyễn Thị Lan)	7, 8	589, 1386, 1434	1,530.0	LUC	Trong đê
14	451	Đỗ Thị Hồng	8	1301, 1353, 1439, 1305	549.0	LUC	Trong đê
15	452	Đồng Thị Chiến	8	1343, 1452, 1305, 1295	731.0	LUC	Trong đê
16	453	Đồng Thị Mượt (vợ ông Lưu Văn Chạm)	8	1263	620.0	LUC	Trong đê

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
17	454	Đổng Thị Thùy	8	1337, 1450, 1305	773.0	LUC	Trong đê
18	455	Lê Thị Mỹ	8	1298	1,003.0	LUC	Trong đê
19	456	Lê Thị Song	7, 8	511, 1305	510.0	LUC	Trong đê
20	457	Lê Văn Hải (Vợ Nguyễn Thị Lệ)	7	534	386.0	LUC	Trong đê
21	458	Lê Văn Học	7, 8	1263, 1434, 593	472.8	LUC	Trong đê
22	459	Lương Thị Mênh	8	1329	450.0	LUC	Trong đê
23	460	Lương Thị Nguyệt	8	1301	228.0	LUC	Trong đê
24	461	Lưu Thị Phước	8	1357, 1342, 1301, 1400, 1305	366.0	LUC	Trong đê
25	462	Lương Trung Kiên (Đại diện hàng thừa kế Lương Văn Bộ)	8	1312	450.0	LUC	Trong đê
26	463	Lương Văn Hoàn (Vợ Nguyễn Thị Thanh)	8	1354, 1481, 1342, 1305	916.0	LUC	Trong đê
27	464	Lương Văn Tàn (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lương Văn Dộc)	8	1301, 1332, 1421, 1305	549.0	LUC	Trong đê
28	465	Lương Văn Thạnh (Vợ Lưu Thị Thắm)	7, 8	542, 1305	642.0	LUC	Trong đê
29	466	Lương Văn Thông (Vợ Nguyễn Thị Tuấn)	7, 8	545, 1305	510.0	LUC	Trong đê
30	467	Lương Văn Tinh (Vợ Nguyễn Thị Thuận)	8	1301, 1335, 1415, 1305	731.0	LUC	Trong đê
31	468	Lương Văn Toàn (Vợ Lê Thị Hải)	8	1301, 1326, 1466, 1305	916.0	LUC	Trong đê
32	469	Lương Văn Toàn (Vợ Nguyễn Thị Đào)	8	1301, 1330, 1425, 1305	731.0	LUC	Trong đê
33	470	Lương Mạnh Tường (Đại diện hàng thừa kế cho bà Lưu Thị Diên)	7, 8	485, 1313	505.9	LUC	Trong đê
34	471	Lương Văn Tuyền (vợ Đồng Thị Kiều)	8	1334, 1432, 1305	601.0	LUC	Trong đê
35	472	Lưu Đức Nguyễn	7, 8	1318, 532, 1305	960.0	LUC	Trong đê
36	473	Lưu Quang Văn (vợ Lưu Thị Thảo)	8	1386	302.0	LUC	Trong đê
37	474	Lưu Thanh Khê (Vợ Lưu Thị Cừ)	7, 8	629, 1263, 1295, 1315, 1434	1,203.0	LUC	Trong đê

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
38	475	Lưu Thị Dậu	7	536	510.0	LUC	Trong đề
39	476	Lưu Thị Hoa	8	1386	151.0	LUC	Trong đề
40	477	Lưu Thị Hòa	7, 8	1386, 1385, 721, 1378	1,026.0	LUC	Trong đề
41	478	Lưu Thị Lâm	7, 8	620, 1263, 1295	501.0	LUC	Trong đề
42	479	Lưu Thị Lý	8	1323	303.0	LUC	Trong đề
43	480	Lưu Thị Nụ (Chồng Lưu Xuân Tiến)	8	1263, 1295	393.0	LUC	Trong đề
44	481	Lưu Thị Phận	7	534	642.0	LUC	Trong đề
45	482	Lưu Thị Xen	7, 8	628, 1263, 1295, 1305	1,251.0	LUC	Trong đề
46	483	Lưu Thị Thảo - chồng Hoàng Đình Văn (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lưu Văn Thiện)	7, 8	1386, 1422, 610, 1305	1,530.0	LUC	Trong đề
47	484	Lưu Thị Thơ	8	1301, 1346, 1428, 1305	918.0	LUC	Trong đề
48	485	Lưu Văn Bắc (Đại diện cho Lưu Văn Thảo)	7, 8	615, 616, 1263, 1305	633.0	LUC	Trong đề
49	486	Lưu Văn Bảo (Đại diện hàng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Vân)	8	1301	450.0	LUC	Trong đề
50	487	Lưu Văn Bảy (Vợ Phan Thị Diên)	7, 8	617, 1263, 1359, 1434, 1305	1,201.0	LUC	Trong đề
51	488	Lưu Văn Bí (Vợ Nguyễn Thị Nán)	7	514	99.3	LUC	Trong đề
52	489	Lưu Văn Đông (Vợ Nguyễn Thị Hoa)	7, 8	625, 1263, 1434	1,002.0	LUC	Trong đề
53	490	Nguyễn Thị Hạnh	8	1295	591.0	LUC	Trong đề
54	491	Lưu Văn Đức (Vợ Nguyễn Thị Tân)	7	547	69.0	LUC	Trong đề
55	492	Lưu Văn Duy (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lưu Văn Bôi)	7, 8	776, 1325, 1342, 1386	1,198.0	LUC	Trong đề
56	493	Lưu Văn Hồng (Vợ Nguyễn Thị Kiều)	7, 8	722, 1295, 1305	1,090.0	LUC	Trong đề
57	494	Lưu Văn Hưng (Vợ Nguyễn Thị Bình)	7, 8	631, 1263, 1434	1,583.0	LUC	Trong đề
58	495	Phạm Thị Hoàn	7, 8	627, 1263, 1434, 1349	1,233.0	LUC	Trong đề
59	496	Lưu Văn Khái (Vợ Lưu Thị Vinh)	8	1301, 1319, 1398, 1305	731.0	LUC	Trong đề
60	497	Lưu Xuân Khải	7, 8	537, 1305	642.0	LUC	Trong đề

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
61	498	Lưu Văn Lệ (Vợ Vũ Thị Liên)	7, 8	620, 1263, 1434, 1362	1,452.0	LUC	Trong đề
62	499	Lưu Văn Loan (Nguyễn Thị Hương)	8	1301, 1350, 1420, 1305	366.0	LUC	Trong đề
63	500	Lưu Văn Loan (Đại diện hàng thừa kế cho bà Vũ Thị Dấu)	8	1301, 1347, 1444, 1305	366.0	LUC	Trong đề
64	501	Lưu Văn Minh (Vợ Nguyễn Thị Hằng)	8	1301, 1364, 1463, 1305	637.0	LUC	Trong đề
65	502	Lưu Văn Năm (Vợ Vũ Thị Cảnh)	7, 8	722, 1295	762.0	LUC	Trong đề
66	503	Lưu Văn Phiên	7, 8	535, 1305	892.0	LUC	Trong đề
67	504	Lưu Thế Phính (Vợ Lưu Thị Hời)	7, 8	591, 1386, 1422, 1305	1,275.0	LUC	Trong đề
68	505	Lưu Văn Phơ (Vợ Nguyễn Thị Minh)	7, 8	622, 1386, 1422	1,530.0	LUC	Trong đề
69	506	Lưu Văn Phương (Vợ Nguyễn Thị Tân)	7, 8	589, 1386, 1422	765.0	LUC	Trong đề
70	507	Lưu Văn Quý (Vợ Phạm Thị Hạnh)	8	1321	450.0	LUC	Trong đề
71	508	Lưu Văn Sơn (Vợ Lưu Thị Bờ)	8	1263, 1295	762.0	LUC	Trong đề
72	509	Lưu Văn Thắng (Vợ Nguyễn Thị Thùy)	7, 8	1386, 745, 1311	735.0	LUC	Trong đề
73	510	Lưu Văn Thắng (Vợ Bùi Thị Thuỳên)	8	1295	307.0	LUC	Trong đề
74	511	Lưu Văn Thìn (Đại diện hàng thừa kế cho bà Trần Thị Quyên)	8	1344	450.0	LUC	Trong đề
75	512	Lưu Văn Thịnh (Vợ Đoàn Thị Sáu)	7, 8	663, 1386, 1422	1,020.0	LUC	Trong đề
76	513	Lưu Văn Thức (Vợ Phạm Thị Vĩnh)	7, 8	630, 1263, 1434, 1394	1,002.0	LUC	Trong đề
77	514	Lưu Văn Thương	7, 8	817, 1295	127.0	LUC	Trong đề
78	515	Lưu Xuân Tiến (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lưu Văn Lạch)	8	1263, 1295	341.0	LUC	Trong đề
79	516	Lưu Văn Toàn (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lưu Văn Tăng)	8	1386	377.0	LUC	Trong đề
80	517	Lưu Văn Triệu (Vợ Nguyễn Thị Kim Sơn)	7, 8	629, 1263, 1295	786.0	LUC	Trong đề
81	518	Lưu Văn Tuấn (Vợ Lưu Thị Dung)	7, 8	719, 1386	226.0	LUC	Trong đề
82	519	Lưu Văn Tuấn và Nguyễn Thị Hà	8	1386	303.0	LUC	Trong đề
83	520	Lưu Văn Ty (Vợ Hoàng Thị Quyên)	8	1295	87.0	LUC	Trong đề

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
84	521	Lưu Văn Vinh (Vợ Bùi Thị Nữ)	7, 8	689, 1386, 1422, 719	1,020.0	LUC	Trong đê
85	522	Lưu Su Vũ (Vợ Vương Thị Chung)	8	1301, 1322, 1478, 1298	894.0	LUC	Trong đê
86	523	Ngô Thanh Hải (Vợ Bùi Thị Ngân)	8	1386	302.0	LUC	Trong đê
87	524	Ngô Xuân Đoán (Vợ Phan Thị Lãi)	8	1295	696.0	LUC	Trong đê
88	525	Vũ Thị Bé	7, 8	1386, 1422, 621	1,275.0	LUC	Trong đê
89	526	Nguyễn Thị Chợp	7	592	52.0	LUC	Trong đê
90	527	Nguyễn Thị Đàm	8	1301, 1365, 1459, 1298	731.0	LUC	Trong đê
91	528	Nguyễn Thị Dung	7	538, 539, 776	510.0	LUC	Trong đê
92	529	Nguyễn Thị Hòe (Chồng Đinh Công Lượng)	7, 8	692, 1295, 1305	999.0	LUC	Trong đê
93	530	Nguyễn Thị Huệ	7, 8	778, 1342	195.0	LUC	Trong đê
94	531	Nguyễn Thị Hương	7, 8	688, 1422	1,020.0	LUC	Trong đê
95	532	Lưu Thị Khuây	7, 8	1386, 746, 778	678.0	LUC	Trong đê
96	533	Nguyễn Thị Lãi	7	546, 778	642.0	LUC	Trong đê
97	534	Nguyễn Thị Lánh	8	1301, 1345, 1446, 1394	1,098.0	LUC	Trong đê
98	535	Nguyễn Thị Lào (Chồng Nguyễn Hữu Khuyển)	7, 8	720, 1351, 1386	588.0	LUC	Trong đê
99	536	Nguyễn Thị Thành	7	513	79.5	LUC	Trong đê
100	537	Nguyễn Thị Mẫn (Đại diện hàng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Tại)	7, 8	715, 1386, 631	151.0	LUC	Trong đê
101	538	Nguyễn Thị Moi (Chồng Lưu Văn Quyền)	7	533, 778	510.0	LUC	Trong đê
102	539	Nguyễn Thị Nền	7	540	762.0	LUC	Trong đê
103	540	Nguyễn Thị Nền (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lưu Văn Hoàn)	7	540, 778	257.0	LUC	Trong đê
104	541	Nguyễn Thị Ngói	7, 8	690, 1386, 1422, 778	1,275.0	LUC	Trong đê
105	542	Nguyễn Thị Nguyệt	7, 8	612, 614, 1295, 778	1,090.0	LUC	Trong đê
106	543	Nguyễn Thị Nhị	7, 8	623, 1434	916.0	LUC	Trong đê

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
107	544	Nguyễn Thị Nhi	7, 8	1386, 1401, 747	1,176.0	LUC	Trong đê
108	545	Nguyễn Thị Sáu	7	777	69.0	LUC	Trong đê
109	546	Nguyễn Thị Sò	7, 8	571, 1298	898.0	LUC	Trong đê
110	547	Nguyễn Thị Sỏi	7, 8	718, 1386	226.0	LUC	Trong đê
111	548	Nguyễn Thị Tâm	8	1323, 1410, 1305	601.0	LUC	Trong đê
112	549	Nguyễn Thị Thán	8	1263	743.0	LUC	Trong đê
113	550	Nguyễn Thị Thiết	8	1295	428.0	LUC	Trong đê
114	551	Nguyễn Thị Thùa	7, 8	716, 1339, 1386	735.0	LUC	Trong đê
115	552	Lương Thị Tuyết	8	1295	696.0	LUC	Trong đê
116	553	Nguyễn Thị Trịnh	8	1263, 1295	455.0	LUC	Trong đê
117	554	Nguyễn Thị Trịnh (Đại diện hàng thừa kế cho bà Trần Thị Hồi)	8	1263, 1295	228.0	LUC	Trong đê
118	555	Nguyễn Thị Tuyết	7, 8	613, 1386, 1422	767.0	LUC	Trong đê
119	556	Nguyễn Thị Việt	7, 8	715, 1386	377.0	LUC	Trong đê
120	557	Nguyễn Văn Bình (Đại diện hàng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Lý)	8	1341, 1386	474.0	LUC	Trong đê
121	558	Nguyễn Văn Cương	7, 8	611, 1386, 1422, 778	765.0	LUC	Trong đê
122	559	Nguyễn Văn Hòa (Vợ Vũ Thị Huyền)	8	1386	377.0	LUC	Trong đê
123	560	Nguyễn Văn Huân (Vợ Lưu Thị Liên)	8	1295	483.0	LUC	Trong đê
124	561	Nguyễn Văn Lĩnh (Vợ Lưu Thị Thuý)	8	1263, 1434	728.0	LUC	Trong đê
125	562	Lưu Văn Long (Vợ Lê Thị Nhã)	7, 8	611, 1422	510.0	LUC	Trong đê
126	563	Nguyễn Văn Luân (Vợ Nguyễn Thị Sáu)	7, 8	713, 1386	302.0	LUC	Trong đê
127	564	Nguyễn Văn Lục (Vợ Nguyễn Thị Minh)	8	1342	579.0	LUC	Trong đê
128	565	Nguyễn Văn Nhật (Vợ Nguyễn Thị Thoa)	8	1295	723.0	LUC	Trong đê
129	566	Nguyễn Văn Sinh (Vợ Phạm Thị Tiếp)	7, 8	713, 1386	151.0	LUC	Trong đê
130	567	Nguyễn Văn Sơn (Vợ : Nguyễn Thị Nguyên)	8	1324, 1386	197.0	LUC	Trong đê

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
131	568	Nguyễn Văn Thanh (Vợ Nguyễn Thị Liên)	7, 8	613, 1386, 1422	767.0	LUC	Trong đê
132	569	Nguyễn Văn Thuận (Vợ Lưu Thị Hương)	7, 8	590, 1386, 1434	1,275.0	LUC	Trong đê
133	570	Nguyễn Văn Tích (Vợ Nguyễn Thị Tiến)	7, 8	713, 1386	377.0	LUC	Trong đê
134	571	Nguyễn Văn Toàn	7, 8	714, 1386, 1387, 778	588.0	LUC	Trong đê
135	572	Nguyễn Văn Việt (Vợ Nguyễn Thị Yên)	7, 8	714, 1370, 1386	426.0	LUC	Trong đê
136	573	Phạm Thị Ngọc	7, 8	626, 1263, 1434	1,045.0	LUC	Trong đê
137	574	Phạm Thị Xuân	8	1263, 1434	684.0	LUC	Trong đê
138	575	Phạm Thị Xuân (Đại diện hàng thừa kế cho ông Trần Đình Duyệt)	8	1355	450.0	LUC	Trong đê
139	576	Phạm Văn Ngải (Đại diện hàng thừa kế cho ông Phạm Văn Lý)	7, 8	1434, 589	920.0	LUC	Trong đê
140	577	Quán Thị Ngoãn	7, 8	618, 1263, 1295, 777	1,037.0	LUC	Trong đê
141	578	Quán Văn Thuật (Vợ Lưu Thị Thủy)	8	1263, 1434	484.0	LUC	Trong đê
142	579	Trần Thị Sai (Đại diện hàng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Xuân)	7, 8	720, 1386	226.0	LUC	Trong đê
143	580	Trần Văn Tạc (Vợ Đoàn Thị Cậy)	7, 8	1295, 817	692.0	LUC	Trong đê
144	581	Trương Thị Đăng	7, 8	1263, 1434, 632, 629	751.0	LUC	Trong đê
145	582	Vũ Thị Ân	8	1386, 1434	1,020.0	LUC	Trong đê
146	583	Vũ Thị Chiền	7	543, 778	510.0	LUC	Trong đê
147	584	Vũ Thị Hoa	8	1295	870.0	LUC	Trong đê
148	585	Vũ Thị Huyền	8	1295	234.0	LUC	Trong đê
149	586	Vũ Thị Long	8	1263, 1434	455.0	LUC	Trong đê
150	587	Vũ Thị Nhện	7	509, 510, 778	642.0	LUC	Trong đê
151	588	Lưu Xuân Khai (Đại diện hàng thừa kế cho ông Lưu Trọng Phùng)	7	536, 777	510.0	LUC	Trong đê
152	589	Vũ Thị Toàn	8	1263, 1295	569.0	LUC	Trong đê
153	590	Nguyễn Thị Xuyên	8	1301, 1356, 1407, 1298	731.0	LUC	Trong đê

STT	Số Quyết định (Ngày 25/7/2025)	Tên chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Vị trí
154	591	Vũ Văn Cán (Vợ Quán Thị Mùa)	7	541, 777	642.0	LUC	Trong đê
155	592	Vũ Văn Hải (Đại diện hàng thừa kế cho ông Vũ Hoàng Kỳ)	8	1307, 1386	300.0	LUC	Trong đê
156	593	Vũ Văn Súc (Vợ Lê Thị Thức)	8	1295	581.0	LUC	Trong đê
157	594	Vũ Văn Vĩnh (Vợ Nguyễn Thị Chanh)	7, 8	1385, 1386, 661	1,275.0	LUC	Trong đê
158	595	Trần Thị Tuyết	8	1295	343.0	LUC	Trong đê
159	596	Nguyễn Thanh Vân (Vợ Nguyễn Thị Nguyễn)	8	1386, 1422	1,020.0	LUC	Trong đê
160	597	Nguyễn Thị Huệ (Đại diện hàng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Quyết)	7	721	52.0	LUC	Trong đê
161	598	Lưu Thị Năm	8	1389	1,090.0	LUC	Trong đê
162	599	Lưu Văn Thìn (Vợ Lê Thị Rèn)	7, 8	717, 1386	302.0	LUC	Trong đê
163	600	Hồ Văn Trung và Nguyễn Thị Hoa	8	1328	336.0	LUC	Trong đê
164	603	Bùi Ngọc Hải (Vợ Lưu Thị Mỹ)	8	1342, 1361, 1405, 1389	1,347.0	LUC	Trong đê

Người lập

PHÒNG KINH TẾ

UBND XÃ KIM THÀNH



Nguyễn Tuấn Anh

TRƯỞNG PHÒNG

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Trọng

Nguyễn Văn Nghiệp

PHÒNG